

# DI CHUYỂN LAO ĐỘNG Ở TRUNG QUỐC THỰC TRẠNG VÀ KINH NGHIỆM

TS. PHẠM THỊ THANH BÌNH

*Viện Kinh tế và Chính trị thế giới*

TS. LÊ TỔ HOA

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

**T**rong hơn 30 năm qua, kể từ khi Trung Quốc thực hiện chính sách cải cách và mở cửa kinh tế (1978), có khoảng 130 triệu người Trung Quốc di chuyển từ nông thôn lên thành phố để tìm kiếm việc làm (chưa tính đến số di chuyển ra nước ngoài làm việc). Dòng di cư này, theo Liên hợp quốc, là lớn nhất trên thế giới, đã tiếp sức cho mức độ tăng trưởng thần kỳ của Trung Quốc, cải thiện điều kiện sống cho những người lao động nghèo đói. Bài viết phân tích thực trạng di chuyển lao động (trong nước và nước ngoài) của Trung Quốc và rút ra một số bài học kinh nghiệm cho các nước đang phát triển.

## I. DI CHUYỂN LAO ĐỘNG TRONG NƯỚC

### 1. Cải cách nông nghiệp của Trung Quốc:

#### Bước chuyển đổi di chuyển lao động

Năm 1978, Trung Quốc có 283 triệu lao động nông nghiệp, chiếm 93% tổng lực lượng lao động xã hội. Cùng với sự phát triển và cải cách kinh tế, qui mô di chuyển

lao động từ nông thôn ra thành phố ngày càng tăng. Khác với các nước đang phát triển khác, di chuyển lao động Trung Quốc có đặc trưng là lan chuyển nhanh do sự phân chia lịch sử tồn tại giữa nông thôn và thành thị của hệ thống hộ khẩu. Trong thời kỳ đầu cải cách chỉ có một số lượng nhỏ lao động di cư, chủ yếu là lao động thủ công, di chuyển ở khu vực nông nghiệp. Cùng với mức tăng của năng suất lao động nông nghiệp, lực lượng lao động nông nghiệp bắt đầu chuyển ra ngoài khu vực với qui mô ngày càng lớn. Số lượng lao động di chuyển tăng từ 2 triệu lao động (1983) lên 30 triệu lao động (1990). Đặc biệt sự bùng nổ kinh tế sau năm 1992 dẫn tới qui mô di chuyển lao động tăng rất nhanh. Tăng trưởng kinh tế ở các khu vực ven biển - nơi chủ yếu tập trung lao động công nghiệp và lao động có xu hướng xuất khẩu - thu hút ngày càng nhiều lao động nông thôn từ các vùng khác nhau của Trung Quốc đến tìm kiếm việc làm ngoài nông nghiệp. Lao động di cư đã tăng từ 63

triệu người (1993) lên 75,5 triệu người (2000) và tới 136 triệu người (2007). Lao động di chuyển có vai trò quan trọng trong

thị trường lao động của Trung Quốc. Năm 2007, lao động di chuyển chiếm 46,5% tổng số việc làm ở thành phố.

**Bảng 1: DI CHUYỂN LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM THÀNH PHỐ CỦA TRUNG QUỐC, (2000 – 2007)**

Năm	Lao động di chuyển (1) (Triệu người)	Việc làm thành phố (2) (Triệu người)	Tỉ lệ (%)
2000	78,49	212,74	36,9
2001	83,99	239,4	35,1
2002	104,7	247,8	42,3
2003	113,9	256,39	44,4
2004	118,23	264,76	44,7
2005	125,78	273,31	46,0
2006	132,12	283,1	46,7
2007	136,49	293,5	46,5

Nguồn: National Bureau of Statistics (NBS), China Statistical Yearbook (various years), China Statistics Press; China Yearbook of Rural Household Survey (various years).

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 đã làm chậm xu hướng di chuyển lao động trong ngắn hạn do khủng hoảng tài chính tác động tiêu cực đến việc làm. Hơn nữa, một số lao động nông nghiệp được đào tạo đều làm việc ở các công ty, nhà máy. Vì thế khủng hoảng tài chính đã mang lại những cú sốc mạnh cho lao động di cư trong thời gian này. Làn sóng di chuyển lao động trong thời kỳ khủng hoảng đã đảo chiều. Nhiều lao động nông nghiệp lũ lượt kéo về nông thôn, trở thành nạn nhân của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Theo Bộ An sinh xã hội Trung Quốc, 10% số lao động đã di chuyển về nông thôn.

**2. Di chuyển lao động: Các giai đoạn tiến triển**

Trước năm 1978, xã hội Trung Quốc bị phân chia rõ rệt được đặc trưng bởi các

phân đoạn kinh tế và tổ chức giữa các khu vực nông thôn và thành thị. Lực lượng lao động nông thôn không được phép làm việc trong các lĩnh vực ngoài nông nghiệp hoặc ngoài các trang trại tập thể hợp tác xã. Di chuyển lao động Trung Quốc chỉ thực sự được bắt đầu từ sau cuộc cải cách mở cửa năm 1978.

*Giai đoạn 1979-1983: Di chuyển lao động bị hạn chế*

Trong giai đoạn đầu cải cách, mặc dù lao động nông nghiệp được phép thực hiện các quyết định về sản phẩm nông nghiệp của mình, song sự di chuyển lao động còn rất hạn chế do việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho thành phố chưa đầy đủ. Vì vậy, việc kiểm soát lao động nông nghiệp di chuyển ra ngoài khu vực được thực hiện nghiêm ngặt. Thêm nữa, chính sách ưu tiên thời kỳ này dành cho những lao động

thất nghiệp ở thành phố và những lao động đã tốt nghiệp phổ thông từ nông thôn trở về.

Nhằm cản trở lao động nông thôn di chuyển ra thành phố, Chính phủ Trung Quốc đã hạn chế tuyển lao động từ khu vực nông thôn. Bên cạnh đó, các chính quyền địa phương đã thay thế toàn bộ lao động làm việc của khu vực nông thôn bằng những lao động thành thị thông qua việc thực thi các chính sách lao động bổ sung.

Để nới lỏng sức ép di chuyển lao động ra khỏi khu vực nông nghiệp, Chính phủ Trung Quốc đã khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp nông thôn để tạo cơ hội việc làm ngoài nông nghiệp cho lực lượng lao động nông thôn. Vì vậy, xu hướng đặc trưng thời kỳ này của Trung Quốc là chính sách công nghiệp hóa nông thôn.

*Giai đoạn 1984 – 1988: Di chuyển lao động được bắt đầu*

Giữa những năm 1980, Trung Quốc đã hoàn thành cơ bản giai đoạn đầu của cải cách nông nghiệp. Bên cạnh đó, những cuộc cải cách cơ chế kinh tế nông nghiệp khác như xóa bỏ chế độ công xã nhân dân và phát triển các doanh nghiệp làng xã và thị trấn (xí nghiệp hương trấn) cũng khuyến khích tăng di chuyển lao động và tiến hành cải cách cơ chế kinh tế ở thành thị. Những lĩnh vực cải cách chính bao gồm: Trao quyền quyết định kinh doanh cho các doanh nghiệp nhà nước, nâng cao khả năng tạo việc làm cho các xí nghiệp, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở thành phố. Những

cuộc cải cách này đã thúc đẩy tính hiệu quả kinh tế ở thành thị và làm tăng nhu cầu lao động cho lao động dư thừa nông thôn. Xu hướng di chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị bắt đầu xuất hiện để đáp ứng nhu cầu lao động cho các doanh nghiệp và các hoạt động xây dựng mới ở thành phố. Chính phủ đã ban hành hàng loạt chính sách mới về di chuyển lao động, cho phép lao động nông nghiệp được quyền bán sản phẩm nông nghiệp của mình và tìm kiếm lao động phù hợp tại thành phố.

*Giai đoạn 1989 – 1991: Di chuyển lao động giảm dần*

Di chuyển lao động có xu hướng chậm lại do tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc thời kỳ này suy giảm. Khi tăng trưởng kinh tế ở thành thị giảm, các nhà hoạch định chính sách có xu hướng bảo hộ cơ hội việc làm cho lao động thành phố thông qua chính sách hạn chế di chuyển lao động nông thôn. Vì vậy, sự sụt giảm kinh tế trong giai đoạn 1989 - 1991 chính là nguyên nhân của chính sách hạn chế di chuyển lao động của Trung Quốc. Nhiều dự án xây dựng thời kỳ này bị hủy bỏ hoặc trì hoãn. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đạt mức thấp nhất kể từ năm cải cách 1978.

Chính phủ khẩn cấp ban hành chính sách hạn chế di chuyển lao động nông thôn. Đồng thời, lao động nông thôn đang làm việc ở thành thị cũng buộc phải di dời trở về. Chính phủ Trung Quốc đã đề ra với phương châm "rời bỏ đất đai nhưng không được rời bỏ làng xã" đối với lao động nông

ngiệp và khuyến khích chính quyền các địa phương tạo cơ hội việc làm cho lao động nông nghiệp khi trở về.

Do chính sách hạn chế di chuyển lao động, qui mô di chuyển lao động thời kỳ này giảm. Lao động việc làm trong các xí nghiệp hương trấn

*Giai đoạn 1992 – 2000: Di chuyển lao động tăng*

Do mức chênh lệch thu nhập giữa nông thôn và thành thị ngày càng tăng, di chuyển lao động bắt đầu có xu hướng tăng. Các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc thừa nhận không thể hạn chế di chuyển lao động và chính sách di cư lao động thực ra là có tác dụng tích cực. Để bình thường hóa hoạt động di cư thời kỳ này, hàng loạt chương trình đào tạo cho lực lượng lao động nông thôn và dịch vụ việc làm được hình thành. Năm 2001, Bộ Lao động và An ninh Xã hội ban hành luật thúc đẩy việc làm cho lực lượng lao động nông thôn và ban hành cơ chế bảo lưu nguồn lao động. Nâng cao kỹ năng cho lao động di cư và thành lập hệ thống thông tin thị trường lao động. *Lần đầu tiên Chính phủ Trung Quốc khuyến khích sự di chuyển lao động nông thôn.*

*Giai đoạn 2000 đến nay: Quan tâm hơn tới lao động di chuyển*

Từ năm 2000, chính sách di cư lao động nông nghiệp của Trung Quốc bắt đầu có sự thay đổi. Thay đổi tích cực nhất đó là: xóa bỏ phí di chuyển lao động (phí định cư tạm thời, phí hành chính, phí dịch vụ đối với lao động di chuyển). Bên cạnh đó, Chính phủ tiến hành mở các lớp học đào tạo cho

lao động di cư. Năm 2003, Quốc vụ viện ban hành kế hoạch đào tạo 7 năm (2003 – 2010) cho lao động di cư và cấp mọi kinh phí đào tạo. Các chính sách lao động việc làm giữa nông thôn và thành thị có sự liên kết gắn bó chặt chẽ và bình đẳng với nhau. Năm 2006, Quyết định số 5 của Quốc vụ viện với mục tiêu “công nghiệp hóa và đô thị hóa đất nước” đã tập trung giải quyết mọi vấn đề lợi ích của lao động di cư nông thôn và đề xuất nguyên tắc “ứng xử bình đẳng, không phân biệt”. Năm 2007, Luật hợp đồng lao động được ban hành có tầm quan trọng lớn đối với quyền lợi người lao động, khẳng định “lao động nông nghiệp di chuyển ra thành phố phải có quyền lợi ngang bằng với lao động thành thị, mọi sự phân biệt đều bị nghiêm cấm”. Năm 2008, Bộ Nguồn nhân lực và An sinh xã hội công nhận sự chuyển đổi hưu trí của lao động nông thôn di chuyển ra thành phố dựa trên tiêu chí nếu có công việc ổn định ở thành phố được phép gia nhập hệ thống hưu trí thành phố.

## II. DI CHUYỂN LAO ĐỘNG RA NƯỚC NGOÀI

Kể từ năm 1978, khi Trung Quốc bắt đầu cải cách kinh tế, số dân Trung Quốc chuyển ra sinh sống ở nước ngoài gia tăng nhanh. Nhiều quốc gia đang phát triển trên thế giới vẫn tiếp tục nhận vốn của Trung Quốc để xây dựng đường sá, cảng biển và mạng lưới viễn thông. Sự tiếp cận ngày càng rộng của Trung Quốc với các dự án cơ sở hạ tầng ở nước ngoài càng thúc đẩy nhanh dòng người di cư.

### **1. Làn sóng di chuyển lao động đầu tiên (bắt đầu từ nửa cuối những năm 1980)**

Di chuyển lao động của Trung Quốc chủ yếu đến Thái Lan và Philippines. Với sự giúp đỡ của người thân ở Thái Lan, người Triều Châu, Sán Đầu đã đến Thái Lan trên danh nghĩa được người thân, bạn bè mời. Sau khi chính quyền Thái Lan mở rộng visa du lịch cho người Trung Quốc (1988), làn sóng di cư sang Thái Lan tăng nhanh. Năm 1995 ở Bangkok, ước tính người Trung Quốc lên tới gần 20 vạn người. Một nửa trong số đó nấu mình ở Thái Lan để được chuyển đi nước thứ ba. Những năm gần đây, kinh tế khu vực ven biển Trung Quốc phát triển mạnh, thu nhập của người dân tăng lên, làn sóng di cư sang Thái Lan có phần giảm bớt. Gần 10 năm trở lại đây, rất nhiều người dân từ các khu vực nội địa Trung Quốc đến mưu sinh ở Philippines

### **2. Làn sóng di chuyển lao động thứ hai (bắt đầu từ giữa những năm 1990s)**

Di chuyển lao động Trung Quốc thời kỳ này chủ yếu đến Singapore, Malaysia và Indonesia. Lao động Trung Quốc sang Đông Nam Á không chỉ qua các dự án đầu tư mà còn theo các hợp đồng thi công công trình. Từ năm 1999, Myanmar trở thành thị trường lớn chỉ sau Singapore về bao thầu công trình của Trung Quốc ở Đông Nam Á. Năm 2002, lao động Trung Quốc đến Singapore lên tới gần 100 nghìn người, đa số làm trong ngành xây dựng. Tính đến năm 2007, có hơn 3.000 công ty Trung Quốc đăng ký ở Campuchia, tập trung chủ yếu vào ngành điện, dệt, vật liệu xây dựng.

Theo ước tính, lao động Trung Quốc đến Campuchia có thể lên tới 300 nghìn người.

Trung Quốc hiện đang là nước có số dân di cư vào Australia nhiều nhất, số dân di cư của Trung Quốc vào Australia vượt qua số người New Zealand và người Anh. Chỉ trong 4 tháng đầu năm 2009, số người Trung Quốc di cư sang Australia lên tới 6350 người, nhiều hơn số người Anh là 5800 người và số người New Zealand là 4740 người. Trong khi số người Anh di cư vào Australia giảm 28% và số người New Zealand di cư vào Australia giảm 47%.

### **3. Làn sóng di chuyển lao động lần thứ ba (bắt đầu từ những năm 2000)**

Thời kỳ này lao động Trung Quốc chủ yếu đến Bắc Mianmar, Campuchia, Lào và Bắc Thái Lan. Lao động tập trung phần lớn trong ngành trồng trọt. Lao động Trung Quốc đến Campuchia những năm gần đây chiếm khoảng từ 5-30 vạn người. Năm 2006, di chuyển lao động Trung Quốc đến Lào lên tới 100 nghìn người và vẫn tiếp tục tăng cùng với các chương trình hợp tác, đầu tư và viện trợ của Trung Quốc cho Lào

Trong thời gian từ năm 2000 - 2005, giá trị các công trình nhận thầu của Trung Quốc ở Myanmar lên tới hơn 1,7 tỉ USD, tốc độ tăng nhanh hơn các quốc gia khác ở Đông Nam Á. Từ năm 2003 đến năm 2008, đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Trung Quốc đã tăng vọt từ 75 triệu lên 5,5 tỷ đôla tại châu Phi, 1 tỷ đôla lên 3,7 tỷ đôla tại Mỹ Latinh và từ 1,5 tỉ đôla lên 43,5 tỷ đôla tại châu Á. Trung Quốc được xếp là nhà đầu tư số một tại nhiều quốc gia khác

nhau như Sudan, Campuchia... “Di dân của Trung Quốc” sang khu vực Viễn Đông của Nga cũng đang tăng nhanh trong những năm gần đây.

Laos động Trung Quốc di chuyển sang Myanmar làm ăn, sinh sống trong 10 năm (2000 – 2009) lên tới hơn 1 triệu người, nâng tổng số người Trung Quốc ở Myanmar lên xấp xỉ 3 triệu, trong đó ở hai thành phố lớn nhất, Yangon và Mandalay, mỗi nơi khoảng 800.000 người.

Năm 2010, số người Trung Quốc có mặt tại Lào lên tới 500.000 và đến 2015 có thể lên tới 1,5 triệu người. Năm 2009, Trung Quốc bắt đầu thâm nhập Campuchia trở thành nhà đầu tư lớn nhất, nước tài trợ nhiều nhất (5,7 tỉ USD) tại nước này.

### **III. KINH NGHIỆM DI CHUYỂN LAO ĐỘNG CỦA TRUNG QUỐC**

#### **1. Cách tiếp cận đối với di chuyển lao động**

Di chuyển lao động là khái niệm phát triển được quốc tế thừa nhận rộng khắp ở các nước đang phát triển. Tuy nhiên, tác động của di chuyển lao động khác nhau giữa các nước. Trong nội bộ quốc gia, di chuyển lao động không phải luôn luôn là động lực của tăng trưởng kinh tế thành công, thậm chí đôi khi nó gây ra những bất bình đẳng về kinh tế và xã hội do bản chất tự phát và sự kìm hãm của tổ chức hành chính. Đối với quốc tế, nếu như di chuyển lao động đem đến nguồn thu nhập tăng cho gia đình, cộng đồng và đất nước thì khó lòng tạo ra sự phát triển trong nước. Di chuyển lao động Trung Quốc đã đem lại hiệu quả và lợi ích cho tất cả các bên tham gia nhờ có kinh nghiệm và thay đổi kịp

thời phù hợp với xu hướng di chuyển lao động trong từng thời kỳ.

*a. Di chuyển lao động được xem là cách tiếp cận tới sự phát triển*

Đối với hầu hết các nước đang phát triển, cùng với các nhân tố sản xuất thì lao động được xem là nguồn lực quan trọng cho sự phát triển và cũng là nguồn lực bị dư thừa nhất. Các nước đang phát triển đều có đặc trưng là nền kinh tế kép có lực lượng lao động dư thừa trong nông nghiệp và năng suất lao động nông nghiệp thấp. Vì vậy, di chuyển lao động là một trong những cách thức khai thác, tận dụng nguồn nhân lực và có được sự phân bổ nguồn nhân lực hiệu quả nhất. Kinh nghiệm của Trung Quốc đã chỉ ra rằng, di cư là khía cạnh giá trị thực chất nhất của đời sống kinh tế và xã hội bởi con người luôn tìm kiếm cơ hội để nâng cao mức sống của bản thân và gia đình. Tuy nhiên, di cư không phải luôn luôn được dùng như công cụ phát triển có hiệu quả. Bài học kinh nghiệm thứ nhất của Trung Quốc là vấn đề chính sách.

Chính sách di chuyển lao động là một phần trong chính sách phát triển kinh tế của Trung Quốc. Bằng việc thừa nhận di cư lao động là công cụ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, Chính phủ Trung Quốc luôn điều chỉnh chính sách di cư lao động phù hợp với từng giai đoạn cải cách và phát triển kinh tế. Ở giai đoạn đầu cải cách, trong khi thành phố chưa sẵn sàng với việc tiếp nhận lao động di cư nông thôn, Chính phủ Trung Quốc khuyến khích lao động nông nghiệp chuyển đổi sang lâm nghiệp, đánh bắt cá và công nghiệp địa

phương. Do lao động nông nghiệp dư thừa quá nhiều, Chính phủ cho phép người nông dân di cư tới các thành phố, thị trấn nhỏ gần làng xã nơi họ cư trú. Do cuộc cải cách ở thành phố ngày càng mạnh và các doanh nghiệp ngoài quốc doanh được mở rộng, nhu cầu lao động dư thừa ở thành phố tăng, di chuyển lao động giữa nông thôn và thành thị trở nên thường xuyên. Mặc dù lao động di cư chưa được công khai thừa nhận như một lực lượng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, song quyết sách của Chính phủ đã rất đúng nhờ việc quan tâm đến tăng thu nhập của lao động nông nghiệp. Điều chắc chắn là, di chuyển lao động từ nông thôn đến thành thị đã đóng góp rất lớn cho tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn cải cách. Và khi Trung Quốc gia nhập WTO (2001) thì khu vực phi nông nghiệp của Trung Quốc đã được mở rộng đáng kể. Chính sách di chuyển lao động ngày càng được khuyến khích và được coi như là nhiệm vụ chính của nhà nước.

#### *b. Phát triển tạo nhiều cơ hội cho di chuyển lao động*

Tăng trưởng kinh tế, đồng thời, được xem là nhân tố bổ sung cho quá trình di cư. Ở Trung Quốc, di chuyển lao động chiếm ưu thế trong quá trình di cư bởi vì những khu vực tăng trưởng nhanh đã tạo ra rất nhiều những cơ hội việc làm. Và phát triển kinh tế đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm. Di chuyển lao động không phụ thuộc vào hoạt động phát triển kinh tế nhưng tăng trưởng kinh tế có vai trò quan trọng cung cấp cơ hội việc làm cho lao động di cư và là động lực thúc đẩy di chuyển lao động. Trong giai đoạn đầu cải cách và mở cửa, Trung

Quốc ưu tiên đặt thu hút vốn nước ngoài lên hàng đầu nhằm mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đồng thời, coi di chuyển lao động là nhân tố ưu tiên thứ hai sau mục tiêu tăng trưởng GDP. Tăng trưởng kinh tế nhanh của Trung Quốc đã tạo ra hàng trăm nghìn việc làm cho lao động di cư. Đặc biệt từ sau khi Trung Quốc gia nhập WTO và trở thành trung tâm chế tạo của thế giới, nhu cầu ngày càng tăng của lao động di chuyển buộc Chính phủ thay đổi quan điểm chuyển đổi từ di chuyển bắt buộc nhằm mục đích tăng thu nhập cho người nông dân sang khuyến khích di chuyển nhằm đáp ứng đủ lao động cho khu vực công nghiệp và ủng hộ hoạt động di cư để duy trì sự ổn định xã hội. Do vậy, lợi ích kinh tế của di chuyển lao động tăng rất nhiều. Những lợi ích mà di chuyển lao động đem lại cho nền kinh tế bao gồm: *Thứ nhất*, di chuyển cung cấp lao động dư thừa cho tăng trưởng kinh tế để hiện thực hoá lợi thế so sánh trong các ngành công nghiệp cần nhiều lao động; *Thứ hai*, nền kinh tế Trung Quốc thu được lợi ích lớn hơn từ việc tái phân phối lao động; *Thứ ba*, các hộ gia đình nông thôn kiếm được nguồn thu nhập tăng từ các hoạt động ngoài nông nghiệp.

#### **2. Một số tác động và kinh nghiệm di chuyển lao động của Trung Quốc**

Di chuyển lao động ở Trung Quốc bắt đầu tăng mạnh từ cuối những năm 1980 và được đặc trưng không chỉ bởi sự chuyển đổi từ nền kinh tế chủ yếu nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp, mà còn bởi sự chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa

sang nền kinh tế thị trường. Những đặc điểm nổi bật này đã giúp Trung Quốc đô thị hóa dần dần trong quá trình cải cách và bắt kịp được tình hình phát triển chung toàn khu vực. Những kinh nghiệm của Trung Quốc được xem là bài học cho các nước đang phát triển.

*Thứ nhất*, di chuyển lao động dẫn đến sự phân phối hiệu quả hơn nguồn nhân lực, từ đó kích thích sự phát triển kinh tế và làm giảm sự bất bình đẳng giữa khu vực gửi và nhận lao động. Tuy nhiên, rủi ro có thể xảy ra, đó là sự quá đông dân số ở thành thị và làm tăng chi phí xã hội, trong khi khu vực nông thôn thiếu vắng cơ sở đào tạo tốt nhất.

*Thứ hai*, mặc dù xu hướng chung là di cư từ nông thôn ra thành phố, song rõ ràng nông thôn cũng có sự phát triển. Giai đoạn đầu cải cách, nông thôn ở các nước đang phát triển đều có sự dư thừa lao động. Khó có thể di chuyển lao động dư thừa ra khỏi khu vực nông thôn chỉ đơn giản dựa vào sự phát triển của khu vực thành phố. Kinh nghiệm của Trung Quốc đã chỉ ra rằng, công nghiệp hóa nông thôn là giải pháp hiệu quả để đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển đổi lao động hợp lý nhất. Cùng với sự phát triển kinh tế, phát triển nông thôn kèm theo hàng loạt chính sách bao gồm: giáo dục, đào tạo, an sinh xã hội, chính sách thuế khoá, cơ chế đất đai...

*Thứ ba*, các nhà hoạch định chính sách rất thận trọng trong chọn lựa bước đi bởi sự phức tạp chính trị trong quá trình cải cách. Chiến lược ủng hộ cải cách buộc phải quan tâm đến những ưu tiên trong ngắn hạn, đến hậu quả và cân bằng thương mại.

Chiến lược này cũng rất quan tâm đến lao động thành thị khi mất cơ hội việc làm và phúc lợi xã hội do di chuyển lao động mặc dù mục đích của di cư là rõ ràng.

Là một nước có nền nông nghiệp phát triển với hơn 700 triệu người sống ở nông thôn, từ sau khủng hoảng tài chính Mỹ 2008 Trung Quốc đã không ngừng tăng đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn, từ 300 tỉ NDT (2003) lên 590 tỉ NDT (2008) và đạt mức kỷ lục 764,1 tỉ NDT, khoảng 112 tỉ USD (2009). Chính sách hiện đại hóa nông thôn Trung Quốc vẫn không cản trở được dòng di cư lao động lên thành phố. Hiện chính phủ Trung Quốc đang buộc phải tìm kiếm những giải pháp để đảm bảo an sinh xã hội, tạo cơ hội việc làm cho lao động di cư và thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa lao động thành phố và lao động di cư.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Cai Fang, Du Yang and Wang Meiyuan (2009), *Migration and Labour Mobility in China*, Human Development Research Paper, UNDP, N 9, April.
2. Ding Lu (2009), *The Economic Consequence of Labour Mobility in China's Regional Development*, The Earth Institute at Columbia University and the Massachusetts Institute of Technology.
3. *Labour Market in the People's Republic of China (PRC) and Its Adjustment to Global Financial Crisis*. ADB Institute, Tokyo, June 2009.
4. Phương Nam (2010), Trung Quốc giải bài toán dân nhập cư trẻ, Báo Sài Gòn Giải Phóng, số ra ngày 7/2/2010.